

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ  
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 556 / BĐTPT-QLĐT

Thành phố Huế, ngày 26 tháng 03 năm 2024

V/v lấy ý kiến các Sở ngành và cộng đồng dân cư về Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Lộc – Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.

Kính gửi:

- Các Sở: Xây dựng; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và PTNT; Công thương; Văn hóa và Thể thao; Du Lịch;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô;
- Vườn Quốc gia Bạch Mã;
- HUBND, UBNDTTQVN, UBND huyện Phú Lộc;
- HUBND, UBNDTTQVN, UBND huyện Nam Đông;
- Đại diện các phòng ban ngành, đoàn thể trên địa bàn huyện Phú Lộc;
- Đại diện các phòng ban ngành, đoàn thể trên địa bàn huyện Nam Đông;
- HUBND, UBNDTTQVN, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phú Lộc;
- HUBND, UBNDTTQVN, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Nam Đông;
- Cộng đồng dân cư liên quan trên địa bàn huyện Phú Lộc và huyện Nam Đông.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 1596/UBND-QH ngày 21/02/2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc tổ chức thực hiện Quy hoạch chung đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065. Trong đó, UBND tỉnh giao Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh tổ chức lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Lộc – Nam Đông, hoàn thành phê duyệt trong tháng 9/2024. Trên cơ sở đó, Ban QLDA đã phối hợp với đơn vị tư vấn lập dự thảo nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Lộc – Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 với các nội dung chính như sau:

**1. Tên đồ án quy hoạch:** Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Lộc - Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.

## **2. Phạm vi ranh giới, quy mô, tính chất, thời hạn lập quy hoạch vùng:**

### **a) Phạm vi ranh giới:**

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Phú Lộc và huyện Nam Đông hiện nay. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp biển Đông;
- Phía Tây giáp huyện A Lưới;
- Phía Bắc giáp thị xã Hương Thủy và huyện Phú Vang;
- Phía Nam giáp tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

### **b) Quy mô:**

- Quy mô đất đai: 1.368,23 km<sup>2</sup> (toàn bộ diện tích huyện Phú Lộc 720,41km<sup>2</sup> và toàn bộ diện tích huyện Nam Đông 647,82 km<sup>2</sup>).

- Quy mô dân số:

+ Dân số hiện trạng năm 2022: 163.196 người.

+ Đến năm 2030: Dân số huyện Nam Đông – Phú Lộc khoảng 241.000 người; trong đó: \* Dân số thành phố Chân Mây: khoảng 140.000 người.

\* Dân số huyện Phú Lộc – Nam Đông: khoảng 101.000 người.

+ Đến năm 2045: khoảng 340.000 người (dự kiến thành lập thành phố Chân Mây – Lăng Cô).

\* Dân số thành phố Chân Mây – Lăng Cô: khoảng 220.000 người.

\* Dân số huyện Phú Lộc – Nam Đông: khoảng 120.000 người.

### **c) Tính chất:**

- Là vùng động lực, cực tăng trưởng kinh tế cửa ngõ phía Đông Nam tỉnh kết nối với thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam và các tỉnh thuộc vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung và quốc tế;

- Vùng phát triển các khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, các khu công nghiệp và công nghệ cao, cảng biển quốc tế Chân Mây, du lịch và một số trung tâm chuyên ngành.

- Là trung tâm du lịch hàng đầu của tỉnh Thừa Thiên Huế và khu vực miền Trung

- Là một đầu mối giao thông vận tải và logistic

- Là khu vực phát triển hệ thống đô thị - nông thôn theo hướng đô thị sinh thái biển hiện đại, thích ứng biến đổi khí hậu và có khả năng chống chịu thiên tai.

- Là vùng đô thị và nông thôn với sự đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển bền vững.

- Là vùng gò đồi miền núi gắn với không gian cảnh quan đặc thù, đa dạng sinh học. Bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc độc đáo của địa phương.

- Là vùng có tiềm năng phát triển trong các lĩnh vực như nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khai thác thế mạnh tài nguyên khoáng sản, dịch vụ, du lịch

gắn với việc khai thác các giá trị văn hóa độc đáo của người Cơ Tu.

#### **d) Thời hạn quy hoạch:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 7 và điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định 44/2015/NĐ-CP thì Nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện phải có Dự báo sơ bộ quy mô dân số, đất đai, tỷ lệ đô thị hóa, tiềm năng, động lực phát triển, theo từng giai đoạn 10 năm, 20 năm; Do đó, để phù hợp với quy định pháp luật và các Quy hoạch cấp trên đã được lập và phê duyệt (Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023; Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 tại Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26/01/2024) đề xuất giai đoạn lập quy hoạch của đồ án như sau:

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2030.
- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065.

### **3. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch:**

#### **a) Quan điểm:**

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045;

- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045 và tầm nhìn đến năm 2065 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 26/01/2024 và đồ án Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023.

- Phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045 và tầm nhìn đến năm 2065, quy hoạch không gian biển tỉnh, quy hoạch sử dụng đất tỉnh, Kế thừa các quy hoạch, đồ án đã và đang triển khai trên địa bàn. Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với nâng cao chất lượng văn hóa - xã hội, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân trong huyện.

- Phát huy hiệu quả mối quan hệ nội, ngoại vùng; thúc đẩy phát triển kinh tế, phát huy các tiềm năng, thế mạnh vùng quy hoạch, khai thác có hiệu quả các nguồn lực hiện có. Tận dụng triệt để các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật lớn của quốc gia và của tỉnh đi qua địa bàn huyện, đặc biệt là lợi thế các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy để tạo cơ hội thu hút đầu tư phát triển phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ, thương mại, vận tải..., đáp ứng vai trò là vùng nằm trong cực tăng trưởng kinh tế cửa ngõ phía Nam của tỉnh.

- Tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc của Luật quy hoạch,

Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật quy hoạch. Phù hợp với các văn kiện, Nghị quyết của Đảng, văn bản của Quốc hội và Chính phủ. Chủ động phối hợp, cập nhật thông tin trong quá trình lập quy hoạch vùng với quy hoạch cấp cao hơn để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch, kết nối liên thông, dự báo khả thi, tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả nguồn lực; phải có chính sách phản ứng nhanh khi có các sự cố như thiên tai, dịch bệnh, sự cố có tính thảm họa,... xảy ra.

#### **b) Mục tiêu**

- Làm cơ sở pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp sử dụng trong việc hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công trên địa bàn huyện, đảm bảo tính khách quan, khoa học. Đồng thời cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu để các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân đầu tư, sản xuất, kinh doanh, sinh sống, làm việc và kiểm tra giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch vùng huyện.

- Loại bỏ các quy hoạch chồng chéo ảnh hưởng đến đầu tư phát triển. Xây dựng kịch bản phát triển, ý tưởng và phương án tổng thể, bố trí hợp lý không gian nhằm giải quyết các vấn đề xung đột về không gian trong địa bàn vùng huyện hiện nay gắn với định hướng không gian cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động hợp lý với các điều kiện bên trong và thu hút các nguồn lực bên ngoài.

- Cụ thể hoá các định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế, đảm bảo phù hợp với hiện trạng và nhu cầu phát triển xã hội của vùng huyện.

- Phát huy các tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; Xây dựng vùng huyện Phú Lộc - Nam Đông thành vùng phát triển năng động với mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; Xây dựng huyện Phú Lộc - Nam Đông thành vùng kinh tế động lực của tỉnh Thừa Thiên - Huế; vùng trọng điểm phát triển kinh tế biển; có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật - xã hội đồng bộ, hiện đại; không gian kiến trúc cảnh quan, đô thị văn minh, tiên tiến, môi trường bền vững và sử dụng đất đai hiệu quả.

- Hình thành phát triển hệ thống phát triển đô thị, các điểm dân cư nông thôn; phát triển không gian cho các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng, du lịch dịch vụ; tổ chức bổ sung hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và phân bố các công trình hạ tầng kỹ thuật, tổ chức môi trường bền vững.

#### **4. Các chỉ tiêu cho từng giai đoạn phát triển:**

Xác định một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án như chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế- về xã hội, về môi trường, về hạ tầng kỹ thuật... đảm bảo phù hợp với các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển của vùng huyện.

Bảng các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật dự kiến

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Hiện trạng	Quy hoạch	
				Năm 2030	Năm 2045
1	Dân số toàn vùng huyện	người	163.196	241.000	340.000
	- Dân số đô thị	người	25.896	66.000	153.000
	- Dân số nông thôn	người	137.300	175.000	187.000
2	Dự báo tỷ lệ đô thị hoá	%	15.87	27.39	45,00
	(d.số thành thị / tổng d.số)				
3	Đất xây dựng	ha		10.500 – 12.500	16.000 – 18.500
4	Số lượng đô thị	đô thị	5	3	3
5	Chỉ tiêu cấp điện	w/người		200	330
6	Chỉ tiêu cấp nước	lít/người/ ngày			
-	Đô thị loại 3, 4			120	150
-	Đô thị loại 5			100	120
7	Tỷ lệ thoát nước	%			
-	Đô thị loại 3, 4			95	100
-	Đô thị loại 5			90	100
8	Chỉ tiêu điện thoại	máy/1000 dân		320	420
9	Chỉ tiêu cây xanh đô thị	m <sup>2</sup> /người		8-10	10-12
10	Chỉ tiêu đất giao thông	%			
-	Đô thị loại 3, 4			16-18	18-20
-	Đô thị loại 5			14-16	16-18

## 5. Nội dung nghiên cứu quy hoạch:

### a) Phân tích, đánh giá hiện trạng:

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng huyện Phú Lộc - Nam Đông.

- Phân tích vai trò, vị thế của vùng huyện Phú Lộc - Nam Đông trong mối quan hệ với vùng tỉnh Thừa Thiên Huế và các địa phương lân cận.

- Đánh giá tiềm năng và động lực phát triển, lịch sử văn hóa lâu đời, các ngành kinh tế mũi nhọn, có sức lan tỏa tạo điều kiện phát triển, tạo sức hấp dẫn của vùng huyện Phú Lộc - Nam Đông.

**b) Đánh giá, rà soát** việc thực hiện các đồ án quy hoạch đang có hiệu lực trên địa bàn vùng huyện Phú Lộc - Nam Đông.

- Thu thập các tài liệu điều tra và đánh giá về điều kiện tự nhiên, trong đó trọng tâm là hệ thống sông, hồ, biến động địa chất như động đất, sạt lở, lũ quét các hiện tượng tự nhiên đặc thù như giông, mưa đá, các diễn biến thiên tai và biến đổi môi trường khác ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân, sản xuất cũng như phát triển kinh tế - xã hội của huyện; tiềm năng về đất đai và khả năng sử dụng cho xây dựng, các vùng tự nhiên có giá trị...

- Đánh giá các vùng tự nhiên có tiềm năng phát triển nông nghiệp chất lượng cao, kinh tế công nghiệp, dịch vụ, du lịch,...

- Thu thập tài liệu thống kê toàn vùng huyện và thống kê theo các địa bàn hành chính các xã (ít nhất trong 3 năm gần nhất):

+ Về phát triển kinh tế: Khái quát về tình hình phát triển trên phạm vi toàn huyện, cơ cấu kinh tế, hướng chuyển dịch..., những khu vực kinh tế chủ đạo; khái quát về kinh tế trên các địa bàn cấp xã. Số liệu thu nhập bình quân theo đầu người tại các xã.

+ Về công nghiệp: Quy mô và phân bố công nghiệp gồm các khu vực công nghiệp tập trung và các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp địa bàn, tình hình đầu tư và hiệu quả sử dụng đất công nghiệp.

+ Về nông nghiệp: Đánh giá hiện trạng cây trồng chủ lực, tình hình chăn nuôi gia súc gia cầm, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, phân vùng sản xuất trên địa bàn vùng huyện.

+ Về dịch vụ thương mại, du lịch: Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn, tỷ trọng dịch vụ trong giá trị tăng thêm của huyện, tình hình xuất nhập khẩu, các vùng phát triển thương mại dịch vụ, phân bố các cơ sở dịch vụ thương mại lớn. Hệ thống các khu, điểm du lịch, các di tích văn hóa lịch sử, quy mô, lượng khách, các sản phẩm du lịch...

+ Về phát triển dân cư và phát triển đô thị: Quy mô và cơ cấu dân cư đô thị nông thôn, về phân bố lao động, các điều kiện thực trạng đầu tư và phân bố công trình hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục - đào tạo, dịch vụ văn hóa - thương mại, du lịch...); tình hình tăng trưởng dân số, quản lý trật tự xây dựng.

+ Về quá trình thực hiện nông thôn mới trên địa bàn xã: Kế thừa các quy hoạch đã được thực hiện theo chương trình Nông thôn mới, đánh giá và rà soát điều chỉnh để phù hợp với tình hình phát triển cho khu vực.

- Đánh giá về thực trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống giao thông liên kết vùng, giao thông nội vùng; Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp (hệ thống công trình thủy lợi, giao thông nội đồng...); thực trạng về nền xây dựng, các tai biến địa chất có ảnh hưởng đến xây dựng; các lưu vực thoát nước mưa; nguồn nước, tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước; khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận; nguồn và công suất cấp điện, thực trạng hệ thống đường dây cấp điện từ 110kV trở lên; thực trạng thu gom và xử lý chất thải rắn; thực trạng, quy mô của nghĩa trang...

- Đánh giá về công tác Phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế xã hội.

- Đánh giá thực trạng huy động các nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng của huyện để có cơ sở dự báo khả năng huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

**c) Xác định mục tiêu** phát triển, tốc độ đô thị hóa, tính chất, tiềm năng và động lực phát triển vùng.

**d) Dự báo phát triển** kinh tế, dân số, lao động, nhu cầu về đất đai, tỷ lệ đô thị hóa theo các giai đoạn phát triển đến năm 2045 và tầm nhìn đến năm 2065; xác định các chỉ tiêu kỹ thuật theo mục tiêu phát triển của vùng Phú Lộc - Nam Đông.

**đ) Định hướng phát triển không gian vùng huyện:**

\* Mô hình phát triển không gian vùng:

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế của tỉnh, xây dựng các phương án phát triển kinh tế phân bố theo từng khu vực (Công nghiệp, Thương mại - dịch vụ, Nông nghiệp). Nghiên cứu, cập nhật, đề xuất phương án khả thi về cơ cấu, ngành nghề, khả năng tăng trưởng kinh tế của vùng huyện.

- Đề xuất các mô hình phát triển không gian vùng phù hợp với điều kiện thực tế của vùng huyện và định hướng của các quy hoạch cấp trên.

- Phân tích và đánh giá ưu nhược điểm của các mô hình theo các yếu tố:

+ Khả năng phát huy tiềm năng và vị thế của vùng huyện.

+ Khả năng liên kết không gian kinh tế của vùng huyện trong tỉnh và vùng phụ cận.

- Khả năng huy động và khai thác hiệu quả, bền vững các tiềm năng về tài nguyên, nguồn nhân lực, nguồn vốn,... của vùng huyện trong phát triển kinh tế - xã hội.

\* Phân vùng kiểm soát quản lý phát triển: Đề xuất phương án phân vùng để làm cơ sở để định hướng và chia nhỏ các khu vực kiểm soát phù hợp với quy mô quản lý và điều kiện phát triển từng khu vực, những vẫn đảm bảo tính thống nhất trong cấu trúc toàn vùng.

\* Định hướng không gian phát triển các ngành: Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển các ngành: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du

lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng;

\* Định hướng phát triển đô thị - nông thôn:

- Định hướng đến năm 2025 sát nhập huyện Phú Lộc và huyện Nam Đông; Từ sau năm 2025 - 2030 đầu tư xây dựng đô thị Chân Mây (gồm khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô và phần mở rộng đến thị trấn Phú Lộc, các xã ven biển huyện Phú Lộc hiện hữu) đạt tiêu chí đô thị loại III; Từ sau năm 2030 – 2045 thành lập thành phố Chân Mây, tập trung xây dựng thành phố Chân Mây trở thành đô thị mới; Từ sau năm 2045 - 2065 ổn định và nâng cao chất lượng đô thị và các huyện.

- Phát triển đô thị, phân loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, mô hình phát triển, chức năng. Dự kiến các khu vực phát triển mở rộng ranh giới đô thị. Đặc biệt các khu vực liên kết, phát triển lan tỏa từ trung tâm lân cận.

- Xác định quy mô dân số đô thị, quy mô đất xây dựng đô thị theo các giai đoạn đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Phát triển các điểm dân cư tập trung trên địa bàn xã: Xác định các mô hình phát triển các xã dựa trên điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội phù hợp. Xác định các điểm dân cư có tiềm năng phát triển để tập trung đầu tư, xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu bố trí dân cư mới phát triển hàng năm trên địa bàn xã.

\* Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

Tổ chức không gian hệ thống hạ tầng xã hội: Định hướng mạng lưới về văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại dịch vụ, thể dục thể thao cấp vùng có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa – lịch sử có giá trị trong bối cảnh mới gắn kết với các khu vực đô thị trên địa bàn vùng huyện.

\* Định hướng phát triển các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, các khu vực quy hoạch khoáng sản trong vùng:

- Khoanh vùng, xác định quy mô các khu vực cần bảo tồn như các khu vực di tích lịch sử, văn hoá, khu vực bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên đầm phá, các khu vực cảnh quan tự nhiên có giá trị, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, khu vực rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng.

- Đề xuất các giải pháp tôn tạo hệ thống cảnh quan tự nhiên kết hợp với hệ thống công trình kiến trúc và cảnh quan nhân tạo;

- Rà soát, khoanh vùng các khu vực quy hoạch khoáng sản trong vùng.

**e) Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng huyện:** Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng huyện, gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, hệ thống điện, cung cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.



**f) Các dự án ưu tiên đầu tư:**

Xác định các danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường; các dự án cần được nêu rõ quy mô đầu tư xây dựng, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị vốn, thời điểm thực hiện.

**g) Đánh giá môi trường chiến lược:**

- Dự báo, đánh giá các diễn biến môi trường, các tác động tích cực, tiêu cực đối với môi trường của phương án quy hoạch đối với các khu vực phát triển (đô thị, nông thôn, các khu vực bảo tồn,...) và vùng lân cận. Đề xuất giải pháp phát huy các mặt tích cực và hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường các khu vực trên toàn huyện.

- Đề xuất biện pháp quản lý, giám sát môi trường.

**h) Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng huyện:** Nội dung theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP và phải có các hồ sơ kèm theo.

**6. Hồ sơ sản phẩm:**

Hồ sơ của đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện tuân thủ theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2005 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Thông tư số 04/2022/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 24/10/2022 về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và quy hoạch nông thôn. Cụ thể:

Sản phẩm gồm 15 bộ hồ sơ và 05 USB chứa toàn bộ nội dung đồ án. Thành phần một bộ hồ sơ như sau:

*Bảng danh mục hồ sơ sản phẩm*

TT	Danh mục	Tỷ lệ	Hồ sơ	
			A0	A3
<b>I</b>	<b>Phần bản vẽ</b> (Thể hiện trên nền bản đồ địa hình)			
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	Thích hợp	X	X
2	Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên, phân bố dân cư và sử dụng đất	1/10.000	X	X
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội	1/10.000	X	X
4	Các bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật	1/10.000	X	X
5	Bản đồ phân vùng quản lý phát triển	1/10.000	X	X
6	Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng	1/10.000	X	X

TT	Danh mục	Tỷ lệ	Hồ sơ	
			A0	A3
7	Các bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng	1/10.000	X	X
<b>II</b>	<b>Phần thuyết minh</b>			
1	Thuyết minh tổng hợp và các văn bản pháp lý có liên quan; Phụ lục kèm theo thuyết minh (các giải trình, giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh bản vẽ minh họa; các số liệu tính toán).	A4		
2	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện	A4		
3	Dự thảo Tờ trình; dự thảo Quyết định phê duyệt	A4		
<b>III</b>	<b>USB ghi toàn bộ dữ liệu (5 cái)</b>			

- Đối với việc cập nhật CSDL hiện trạng và đồ án quy hoạch trên vào cơ sở dữ liệu GIS Hue; Chủ đầu tư thực hiện các nội dung được quy định tại Điều 11 của Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định thu thập, cập nhật, quản lý, tích hợp, khai thác và sử dụng dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh và các quy định khác có liên quan.

#### **8. Tiến độ lập quy hoạch:**

- a. Bắt đầu: Thực hiện sau khi Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết được phê duyệt.
- b. Thời gian thực hiện: 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

#### **9. Tổ chức thực hiện:**

- a) Cơ quan quyết định: Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.
- b) Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.
- c) Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế.
- d) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh.
- đ) Đơn vị tư vấn: Theo quy định pháp luật hiện hành./.

Để đồ án có tính khả thi cao và công tác quy hoạch được thực hiện theo đúng trình tự, Ban QLDA kính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị tham gia đóng góp ý kiến bằng văn bản; Kính đề nghị UBND huyện Phú Lộc, UBND huyện Nam Đông tổ chức, tổng hợp lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư có liên quan về dự thảo Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Lộc – Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 trước khi Ban QLDA trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

Văn bản góp ý kiến xin được gửi về Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị theo địa chỉ: Số 7 Diêm Phùng Thị, phường Võ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế trước ngày 20/04/2024; Đại diện cộng đồng dân cư trước ngày 06/05/2024. Sau thời gian trên, nếu chưa nhận được ý kiến tham gia của Quý cơ quan, Ban xin phép được xem như quý cơ quan đã đồng ý với nội dung dự thảo nhiệm vụ này.

*(Đính kèm theo Công văn này là hồ sơ Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện và Phiếu tham gia ý kiến)*

Rất mong sự hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: *Đinh*

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Lãnh đạo Ban;
- Phòng QLPTĐT;
- Lưu: VT.

*h*

**GIÁM ĐỐC**



**Hà Xuân Hậu**

**PHIẾU THAM GIA Ý KIẾN VỀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH XÂY DỰNG  
VÙNG HUYỆN PHÚ LỘC – NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ ĐẾN  
NĂM 2045, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2065**

*(Được trưng bày lấy ý kiến tại UBND xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phú Lộc, huyện  
Nam Đông từ ngày 26 tháng 3 năm 2024 đến ngày 06 tháng 5 năm 2024)*

Xin chân thành cảm ơn các Ông/Bà đã tham gia vào phiếu thăm dò ý kiến này. Mọi ý kiến tham gia chúng tôi xin tiếp thu với tinh thần hết sức cầu thị để chất lượng đồ án quy hoạch tốt hơn, tính khả thi cao hơn. (Xác nhận ý kiến bằng cách đánh dấu X vào ô ).

**I. Về nhiệm vụ đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Lộc – Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065:**

**Câu 1:** Ông/Bà có đồng ý với sự cần thiết của việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Lộc – Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 như phương án đề xuất không?

- Đồng ý:

- Không đồng ý:

**Câu 2:** Ông/Bà có đồng ý với quy mô lập quy hoạch mà nhiệm vụ đề ra không?

- Đồng ý:

- Không đồng ý:

**Câu 3:** Ông/Bà có đồng ý với Các chỉ tiêu cho từng giai đoạn phát triển, Nội dung nghiên cứu quy hoạch mà nhiệm vụ đề ra không?

- Đồng ý:

- Không đồng ý:

**II. Các ý kiến khác?**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Thông tin cá nhân:**

Tên người đóng góp ý kiến: ..... Tuổi .....

Địa chỉ : .....

Nghề nghiệp: .....